TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/KDTM-ST.
Ngày: 08/06/2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Trọng

Ông Lâm Văn Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2026/TLST-KDTM ngày 13 tháng 04 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2026/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **CÔNG TY TNHH A (gọi tắt là Công ty A)**.

Địa chỉ: A P, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đình S**, sinh ngày 16/11/1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số I N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (Số điện thoại: 0981.384.389).

- *Bị đơn:* Bà **Lý Thị Xà M (là chủ hộ kinh doanh Lý Thị Xà M)**, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại (0985.311.667).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Lý Ngọc V**, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 19/03/2026, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp nguyên đơn ông Nguyễn Đình S trình bày:

Công ty TNHH A là bên bán có ký với bà Lý Thị Xà M là bên mua, hợp đồng mua bán hàng hóa số 1893/2023/HĐMBKG-VTNN ngày 21/08/2023. Theo hợp đồng mua bán này công ty A sẽ bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp (bao gồm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) các loại cho bên mua. Hình thức mua bán giữa hai bên có ký hợp đồng mua bán theo phương thức giao hàng trước và trả tiền sau, có tính lãi chậm trả nếu chậm thanh toán. Số lượng, chủng loại, thời gian, địa điểm giao hàng, thời hạn, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ mỗi bên được hai bên thỏa thuận theo nội dung quy định trong hợp đồng mua bán này. Khi có nhu cầu mua hàng thì bên mua sẽ điện thoại hoặc thông qua nhân viên kinh doanh của bên bán để đặt hàng về công ty A. Hàng hóa được công ty A vận chuyển và giao đến tại kho của bên mua, người nhận hàng là ông Nguyễn Lý Ngọc V và bà Lý Thị Xà M. Bên mua sau khi nhận hàng sẽ thanh toán cho bên bán bằng chuyển khoản hoặc nhân viên kinh doanh của bên bán đến thu tiền mặt trực tiếp. Nếu bên mua không thanh toán sẽ bị tính lãi chậm thanh toán, mức lãi suất chậm thanh toán được hai bên thỏa thuận tại khoản 3.3.2 Điều 3 của Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên là 1,2%/tháng (1 tháng = 30 ngày).

Quá trình mua bán, công ty A đã giao hàng hóa đầu đủ cho bên mua nhưng phía bên mua không tiến hành thanh toán dẫn đến công nợ quá hạn. Để làm cơ sở cho việc thanh toán, hai bên đối chiếu số liệu nợ thông qua Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/11/2025 có xác nhận của hai bên. Bên mua còn chưa thanh toán cho bên bán số tiền nợ gốc 1.297.728.532 đồng và tiền lãi chậm thanh toán được hai bên xác nhận là 147.747.231 đồng.

Sau khi đối chiếu công nợ, công ty A đã nhiều lần liên lạc, đôn đốc trả nợ, cử nhân viên đến tận nhà để yêu cầu trả nợ nhưng bên mua chỉ trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 1.197.728.532 đồng và đến nay không trả nữa. Do đó, không còn cách nào khác, công ty A kính gửi đơn này đến Q tòa án để yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo đơn kiện, Công ty A yêu cầu Tòa án buộc bà Lý Thị Xà M và ông Nguyễn Lý Ngọc V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho công ty TNHH A số tiền nợ gốc 1.197.728.532 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày gửi đơn kiện đến ngày tòa án xét xử. Theo quy định hợp đồng mua bán, lãi suất chậm thanh toán áp dụng cho hai bên thỏa thuận theo mức 1,2%/tháng. Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính được hai bên xác nhận là 147.747.231 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi mốt nghìn).

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Đình S là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Công ty TNHH A có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại yêu cầu đối với ông Nguyễn Lý Ngọc V, không yêu cầu ông Nguyễn Lý Ngọc V cùng có trách nhiệm liên đới với bà Lý Thị Xà M trả nợ cho công ty TNHH A.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bản tự khai tính lãi ngày 02/06/2026, ông Nguyễn Đình S trình bày: Ông S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A. Cụ thể Công ty TNHH A yêu cầu Tòa án buộc bà Lý Thị Xà M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền nợ gốc là 1.197.728.532 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi chậm thanh toán khi xác nhận công nợ là 147.747.231 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày nộp đơn kiện 19/03/2026 đến ngày xét xử 08/06/2026 là 85 ngày trên số tiền nợ gốc, lãi suất 1,2%/30 ngày là 40.722.770 đồng. Số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/06/2026 là **1.386.198.533 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng).**

2/ Bị đơn bà Lý Thị Xà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lý Ngọc V không có ý kiến trình bày cũng không đến tham gia phiên tòa.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đã chấp hành tốt quy định của pháp luật. Còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A. Buộc bà Lý Thị Xà M chủ hộ kinh doanh Lý Thị Xà M trả cho Công ty TNHH A số tiền 1.386.198.533 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 1.197.728.532 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là 188.470.001 đồng. Đình chỉ xét xử đối với rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Lý Ngọc V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Xà M chủ hộ kinh doanh Lý Thị Xà M, địa chỉ ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ để yêu cầu trả nợ mua bán vật tư nông nghiệp; nguyên đơn và bị đơn đều có giấy phép đăng ký kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo qui định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A: Cụ thể nguyên đơn không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lý Ngọc V cùng có trách nhiệm liên đới với bị đơn Lý Thị Xà M trả nợ cho nguyên đơn. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với ông Nguyễn Lý Ngọc V.

[4] Nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH A yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Xà M phải trả tiền mua bán còn nợ tổng cộng là 1.386.198.533 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 1.197.728.532 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là 188.470.001 đồng. Xét thấy:

[4.1] Hợp đồng mua bán hàng hóa lập ngày 21/08/2023 giữa Công ty TNHH A và H kinh doanh Lý Thị Xà M, người đại diện bà Lý Thị Xà M được ký kết trên sự tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 được sửa đổi, bổ sung. Quá trình tố tụng bị đơn bà Lý Thị Xà M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà M không có ý kiến phản đối, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án sẽ được căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán thì ngày 18/11/2025 giữa Công ty TNHH A và bà Lý Thị Xà M đã thỏa thuận ký biên bản đối chiếu công nợ có nội dung xác nhận bà Lý Thị Xà M còn nợ Công ty TNHH A số tiền nợ gốc là 1.297.728.532 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng) có ký xác nhận của bà Lý Thị Xà M và trong bản đối chiếu công nợ bà M có lên kế hoạch trả nợ ĐL 9 Tiền (Xà Mọc) tháng 12 trả 400 triệu, tháng 1 trả 200 triệu, cuối tháng 2 đến đầu tháng 3 trả 697 triệu. Ngoài ra, Công ty TNHH A cũng thông báo công nợ (Chiết khấu thanh

toán) ngày in 18/11/2025 có xác nhận của bà Lý Thị Xà M là H kinh doanh Lý Thị Xà M còn nợ công ty A 147.747.231 đồng. Tuy nhiên, sau khi ký đối chiếu công nợ thì bà M chỉ thanh toán cho công ty A được số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua theo hợp đồng mua bán đã ký kết giữa các bên. Cho nên Công ty A khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị Xà M là người đại diện hợp pháp của H kinh doanh Lý Thị Xà M trả số tiền mua bán còn nợ 1.297.728.532 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 430 và khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét về yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn Công ty TNHH A: Nhận thấy, tại mục 3.3.2 của Hợp đồng mua bán hàng hóa lập ngày 21/08/2023 giữa Công ty TNHH A và H kinh doanh Lý Thị Xà M có thỏa thuận về việc khách hàng thanh toán trễ hạn sẽ chịu lãi suất trên cơ sở Điều 306 của Luật Thương mại trên số tiền chạm thanh toán, lãi suất chậm thanh toán các bên thống nhất là 1,2%/tháng (1 tháng = 30 ngày). Nhận thấy tại thông báo công nợ (Chiết khấu thanh toán) ngày in 18/11/2025 có xác nhận của bà Lý Thị Xà M là H kinh doanh Lý Thị Xà M còn nợ công ty A 147.747.231 đồng. Tại biên bản đối chiếu xác nhận công nợ thì bà M có lên kế hoạch trả nợ cho Công ty A dứt nợ là đến đầu tháng 3 (tức tháng 3/2026), cho nên công ty A yêu cầu bà M tiếp tục trả lãi chậm trả kể từ ngày khởi kiện (19/03/2026) đến ngày xét xử (08/06/2026) với mức lãi suất 1,2%/tháng, số tiền lãi chậm thanh toán là 40.722.770 đồng là phù hợp thỏa thuận giữa các bên và phù hợp quy định tại Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại được sửa đổi, bổ sung. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của công ty A, buộc bà Lý Thị Xà M là người đại diện hợp pháp của H kinh doanh Lý Thị Xà M có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả cho công ty A số tiền tổng lãi là 188.470.001 đồng.

Từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH A.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.182.000 theo biên lai thu số 0006779 ngày 13/04/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn bà Lý Thị Xà M phải chịu án phí số tiền 53.586.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng các điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 24, 50, 306 của Luật Thương mại sửa đổi, bổ sung;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A về việc yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Xà M là người đại diện hợp pháp của H kinh doanh Lý Thị X Mọc trả tiền mua bán còn nợ.

2/ Buộc bà Lý Thị Xà M là người đại diện hợp pháp của H kinh doanh Lý Thị Xà M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH A số tiền số tiền 1.386.198.533 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 1.197.728.532 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là 188.470.001 đồng.

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Đình chỉ xét xử về việc công ty TNHH A yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lý Ngọc V cùng có trách nhiệm liên đới với bà Lý Thị Xà M trả nợ cho công ty TNHH A.

5/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Hoàn trả lại cho công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.182.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006779 ngày 13/04/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Bà Lý Thị Xà M phải chịu án phí số tiền 53.586.000 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng